CK.0000063249

UNFPA

SỰ ƯA THÍCH CON TRAI Ở VIỆT NAM:

ƯỚC MUỐN THÂM CĂN, CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN

Báo cáo nghiên cứu định tính nhằm tìm hiểu sâu hơn
về tình trạng tăng tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam

Tháng 9 / 2011

I NGUYÊN
HỌC LIỆU
0597

ản quyền thuộc: Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam
nh minh họa: Liên Hợp Quốc tại Việt Nam/Đoàn Bảo Châu - Sơn Đào
à các ảnh do Luck House Graphics cung cấp

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU 5
CÁC CHỮ VIẾT TẮT 6
TÓM TẮT 7
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ CUỘC NGHIÊN CỨU 13
Bối cảnh 15
Mục đích nghiên cứu 16
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 17
Địa bàn nghiên cứu 19
Đối tượng nghiên cứu 19
Thu thập thông tin và số liệu 19
Xử lý và phân tích số liệu 20
CHƯƠNG 3. VÌ SAO CON TRAI ĐƯỢC KHAO KHÁT HƠN? 21
Khía cạnh văn hóa của sự ưa thích con trai 23
Những khía cạnh kinh tế - xã hội của sự ưa thích con trai 27
Những điều người ta nói: Áp lực của gia đình và chuẩn mực của cộng đồng 31
Tóm lại: Vì sao con trai được khao khát hơn? 38
CHƯƠNG 4. CÓ CON TRAI BẰNG CÁCH NÀO? 39
Sinh con trai: khoa học của sinh sản có lựa chọn 41
Tóm lại: Làm thế nào để có con trai? 50
CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 51
Kết luận 53
Khuyến nghị 54
TÀI LIỆU THAM KHẢO 58

Lời nói đầu

Trong vài thập kỷ trở lại đây, mất cân bằng giới tính khi sinh đã ảnh hưởng đến một số nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Thời gian gần đây Việt Nam bắt đầu có sự gia tăng bất thường của tỷ số giới tính khi sinh (TSGTKS). Cho đến năm 2000, TSGTKS vẫn còn ở mức bình thường là 106,2 bé trai được sinh ra trên 100 bé gái nhưng theo kết quả cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009 tỷ số này đã tăng lên nhanh chóng đến 110,6. Ở cấp độ quốc tế cũng như ở Việt Nam, sự mất cân bằng của TSGTKS được coi như chỉ báo nhân khẩu học cho thấy sự bất bình đẳng giới vì nó phản ánh tình trạng phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái ngay từ trước khi họ được sinh ra.

Mức độ và tốc độ gia tăng đáng báo động của TSGTKS mới chỉ thu hút được sự chú ý của các nhà hoạch định chính sách trong những năm gần đây. Vào năm 2006 và 2009, một số tài liệu được công bố về kết quả phân tích số liệu của các cuộc điều tra biến động Dân số hàng năm và số liệu thống kê về các ca sinh từ tại bệnh viện năm 2008 đã đưa ra bằng chứng định lượng đầu tiên về sự xuất hiện lên của hiện tượng nhân khẩu học này. Theo đó, sự gia tăng TSGTKS được cho là bắt đầu vào khoảng năm 2004 và tiếp tục tăng lên với tốc độ chưa từng có với 1 điểm phần trăm mỗi năm. Những phát hiện này sau đó đã được khẳng định bởi một phân tích sâu hơn và toàn diện hơn từ số liệu Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009, cung cấp một bức tranh chi tiết về quá trình tiến triển của TSGTKS theo thời gian, những khác biệt về mặt địa lý của tỷ số này theo vùng và cấp tỉnh, cũng như các đặc điểm kinh tế xã hội của hộ gia đình có TSGTKS cao.

Mặc dù những phân tích định lượng đã cung cấp những thông tin có giá trị về xu hướng và đặc điểm của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam, nhiều câu hỏi về các yếu tố văn hóa và xã hội tác động đến TSGTKS vẫn chưa được trả lời. Để xác định những khoảng trống trong kiến thức và hiểu biết về vấn đề này, đầu năm 2010 UNFPA đã tổ chức thực hiện một phân tích tổng quan các tài liệu về TSGTKS ở khu vực châu Á với trọng tâm là Việt Nam. Nghiên cứu này đã thu thập và phân tích hầu hết các tài liệu nghiên cứu, luật pháp và chính sách về TSGTKS ở Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam và xác định những khoảng trống kiến thức đang tồn tại. Đó chính là cơ sở cho việc thiết kế cuộc nghiên cứu mà kết quả được trình bày trong báo cáo này.

Cuộc nghiên cứu định tính này được thực hiện trong vòng 3 tháng từ tháng Tám đến tháng Mười năm 2010 tại bốn tỉnh/thành phố của Việt Nam bao gồm Hà Nội, Hưng Yên (thuộc vùng Đồng bằng Sông Hồng), Quảng Ngãi (thuộc khu vực bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung) và Cần Thơ (thuộc Đồng bằng sông Cửu Long). Nghiên cứu đã chứng minh tầm quan trọng của chế độ thân tộc phụ hệ và mô hình cư trú bên nội ở Việt Nam như cội nguồn sâu xa của tâm lý ưa thích con trai, thôi thúc nhu cầu phải có con trai để nối dõi tông đường. Thêm vào đó, nghiên cứu đã xác định vai trò quan trọng của việc tiếp cận ngày càng dễ dàng đến công nghệ lựa chọn giới tính tạo điều kiện cho nhiều cặp vợ chồng đạt được ước nguyện sinh con trai. Dự thảo báo cáo kết quả và khuyến nghị về các giải pháp đối với các yếu tố văn hóa, xã hội và công nghệ tác động đến TSGTKS đã được thảo luận trong cuộc hội thảo tham vấn do Chính phủ và các Tổ chức Liên Hợp Quốc phối hợp tổ chức trong hai ngày 3 và 4 tháng 11 năm 2010 với sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách và các đại diện từ các cơ quan chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự và các cơ quan Liên Hợp Quốc.

UNFPA xin cảm ơn Tiến sĩ Khuất Thu Hồng, Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS) và Tiến sĩ Tine Gammeltoft từ khoa Nhân chủng học, trường Đại học Tổng hợp Copenhagen về sự đóng góp của họ cho báo cáo này. Chúng tôi muốn đặc biệt cảm ơn Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình về những hỗ trợ cho cuộc nghiên cứu và về việc đồng tổ chức hội thảo tham vấn nói trên, tạo điều kiện cho thảo luận giữa chính phủ, Liên Hợp Quốc và các tổ chức xã hội dân sự nhằm hoàn chỉnh các khuyến nghị trình bày trong báo cáo này. Lời cảm ơn cũng xin được gửi tới các cán bộ của UNFPA vì những cố gắng và đóng góp quý báu của họ trong quá trình thực hiện nghiên cứu và chuẩn bị báo cáo này.

UNFPA mong muốn giới thiệu tài liệu có giá trị này đến các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu và những người quan tâm đến các vấn đề dân số và giới ở Việt Nam. Những bằng chứng được trình bày trong tài liệu này được đưa ra kịp thời vào thời điểm mà Việt Nam đang xây dựng một số chính sách và văn bản pháp lý cũng như các chương trình can thiệp để giải quyết vấn đề giới có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong nhiều năm tới đây.

Bruce Campbell

Trưởng Đại diện Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CEDAW	Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ
GOPFP	Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình
GSO	Tổng cục Thống kê
ICPD	Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển
TSGTKS	Tỷ số giới tính khi sinh
UNFPA	Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc

Tóm tắt

Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh đã tác động đến một số nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương như Trung Quốc, Hàn Quốc và Ấn Độ. Sự gia tăng bất thường của tỷ số giới tính khi sinh (TSGTKS) cũng được quan sát thấy ở Việt Nam trong mấy năm gần đây. Cho đến năm 2000, TSGTKS vẫn còn ở mức bình thường và được ước tính vào khoảng 106,2 nhưng con số này đã tăng lên 110,6 theo kết quả của cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009. Dự báo rằng nếu mất cân bằng giới tính tiếp tục tăng sau năm 2010, thì sau hai thập kỷ nữa, Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề nhân khẩu học, kinh tế, chính trị và xã hội như tình trạng mất ổn định trong thị trường hôn nhân do thừa nam thiếu nữ, gia tăng áp lực buộc phụ nữ phải kết hôn sớm, tăng nhu cầu về mại dâm và sự lan tràn của các đường dây buôn bán phụ nữ, tăng nguy cơ bạo lực giới. Thực hành lựa chọn giới tính còn có thể mang lại những tác động tiêu cực đối với sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản/tình dục và quyền của phụ nữ. Mất cân bằng giới tính khi sinh phản ánh và tiếp tục củng cố sự bất bình đẳng giới trong xã hội.

Các nghiên cứu trong khu vực đã chỉ ra một loạt các yếu tố khác nhau tác động đến sự gia tăng của TSGTKS như tâm lý ưa thích con trai (các yếu tố cầu), khả năng tiếp cận và chi trả các dịch vụ công nghệ lựa chọn giới tính (các yếu tố cung), và tác động nhất định của sự giảm sinh dẫn tới việc các gia đình mong muốn có quy mô gia đình nhỏ nhưng phải có con trai. Mặc dù cả ba yếu tố nói trên cần phải được phân tích một cách độc lập với nhau nhưng khi phối hợp lại chúng đã tạo ra một bối cảnh đặc thù dẫn đến gia tăng TSGTKS. Bối cảnh ở Việt Nam hiện nay đang hội đủ cả ba yếu tố đó: tâm lý ưa thích con trai, mức sinh giảm nhanh chóng và sự sẵn có các dịch vụ công nghệ lựa chọn giới tính tiên tiến.

Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để thúc đẩy bình đẳng giới và bảo vệ quyền con người thông qua cam kết thực hiện các sáng kiến quốc tế và ban hành các văn bản pháp luật và chính sách về bình đẳng giới. Gần đây, các quy định nghiêm cấm các hành vi xác định giới tính và nạo phá thai lựa chọn giới tính đã được ban hành. Với sự hỗ trợ của Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA), các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức về vấn đề mất cân bằng giới tính khi sinh đã được triển khai thực hiện. Đồng thời, việc thu thập và phân tích các số liệu nhân khẩu học về hiện trạng TSGTKS cũng được nỗ lực tiến hành. Nghiên cứu định tính này nhằm bổ sung những kiến thức còn thiếu về các xu hướng của TSGTKS thông qua việc tìm hiểu về các yếu tố văn hóa, xã hội và thị trường đang tác động đến TSGTKS.

Mục đích chung của cuộc nghiên cứu là cung cấp các bằng chứng cho thảo luận về chính sách, xây dựng điều chỉnh các can thiệp và chính sách hiện hành về tâm lý ưa thích con trai và mất cân bằng TSGTKS ở Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu này nhằm trả lời những câu hỏi sau đây: i) Các yếu tố văn hóa và xã hội chủ yếu của tâm lý ưa thích con trai ở Việt Nam là gì? ii) Những ai tham gia vào lựa chọn giới tính và quá trình lựa chọn giới tính đã diễn ra như thế nào? iii) Những công nghệ nào được sử dụng để lựa chọn giới tính và chúng được kiểm soát ra sao? và iv) Các chính sách của nhà nước về cấm lựa chọn giới tính đã được thực hiện như thế nào trong thực tế?

Cuộc nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2010 tại Hà Nội, Hưng Yên (vùng Đồng bằng sông Hồng), Quảng Ngãi (vùng Bắc Trung bộ và Duyên Hải miền Trung) và Cần Thơ (vùng Đồng bằng sông Cửu Long). Theo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009, bốn địa phương này đều được xác định là có tình trạng gia tăng TSGTKS, nhưng ở mức độ khác nhau. Các phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm đã được thực hiện cả ở cấp tỉnh/thành phố và ở cộng đồng. Tổng số 248 người đã được phỏng vấn hoặc tham gia thảo luận nhóm, bao gồm 48 cán bộ lãnh đạo quản lý từ cấp tỉnh đến cộng đồng; 48 phụ nữ và 47 nam giới trong độ tuổi sinh đẻ có từ 1 đến 4 con với đứa con cuối cùng sinh trong khoảng từ năm 2006 đến 2009, trong đó 48 người chưa có con trai; 28 ông bà nội trong đó 16 người chưa có cháu trai; 32 bác sĩ và y tá sản làm việc trong các bệnh viện nhà nước hoặc cơ sở y tế tư nhân và 34 khách hàng đến khám thai tại các cơ sở đó. Các cuộc phỏng vấn và thảo luận nhóm đã được ghi âm và chuyển thành văn bản sau đó được xử lý trên phần mềm NVIVO trước khi được phân tích.

KẾT QUẢ

Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng tâm lý ưa thích con trai ở Việt Nam bắt nguồn từ hệ thống thân tộc phụ hệ và mô hình cư trú bên nội, tạo ra áp lực buộc các gia đình phải có ít nhất một con trai[1]. Chuẩn mực gia đình hai con đã được các gia đình chấp nhận: ngày nay, hầu hết các cặp vợ chồng đều chỉ muốn có hai con và trong đó phải có ít nhất một con trai. Mọi người cho rằng con trai là rất quan trọng đối với các gia đình vì con trai tiếp nối dòng dõi; thờ cúng tổ tiên và chăm sóc cha mẹ lúc họ về già. Do đó, để hiểu về động cơ của sự ưa thích con trai ở Việt Nam, cần phải đặc biệt chú ý đến các chuẩn mực và quan niệm về thân tộc.

Tuy nhiên nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng ở Việt Nam con gái được tin cậy và được đánh giá cao vì sự gắn gũi tình cảm với cha mẹ, sự đóng góp về kinh tế và hỗ trợ đối với gia đình cha mẹ đẻ. Những người được phỏng vấn khẳng định rằng con gái cũng có thể chăm sóc cha mẹ già và thờ cúng tổ tiên. Điều này gợi ý rằng trong thực tế, kiểu gia đình "truyền thống" (đàn ông là chủ đạo) không nhất thiết là kiểu gia đình duy nhất như mọi người vẫn nghĩ và mặc định.

Một phát hiện quan trọng trong nghiên cứu này là vai trò đáng kể của áp lực của gia đình và cộng đồng trong việc duy trì vai trò chủ đạo của đàn ông nói chung và tâm lý ưa thích con trai nói riêng. Mọi người thích có con trai không chỉ vì "giá trị" của bản thân người con trai mà còn vì việc có con trai sẽ củng cố vị trí của người phụ nữ trong gia đình và khẳng định uy tín của người đàn ông trong cộng đồng. Nam giới và phụ nữ không có con trai thường phải chịu áp lực rất lớn từ gia đình nhà chồng và phải chịu đựng sự mỉa mai, trêu chọc và xúc phạm của cộng đồng. Tâm lý ưa thích con trai không chỉ là vấn đề duy trì dòng giống gia đình mà còn là vấn đề áp lực, uy tín và sự thừa nhận về đạo đức. Nghiên cứu chỉ ra rằng những áp lực về đạo đức như vậy thể hiện rõ hơn ở miền Bắc và đặc biệt là trong những người có cuộc sống khá giả.

Nghiên cứu này cũng đã phát hiện ra rằng nhiều cặp vợ chồng đã tìm đến khoa học và công nghệ để có được đứa con với giới tính như mong muốn, trong đó có cả siêu âm để xác định giới tính của thai nhi và nạo thai để loại bỏ những thai gái không mong muốn. Hỗ trợ những người khao khát con trai là một bộ phận dịch vụ y tế đang hướng đến lợi nhuận, và việc "sinh đẻ có chọn lọc" đó được chấp nhận rộng rãi và thông cảm bởi cả người dân và cán bộ tham gia vào nghiên cứu này. Khả năng tiếp cận đến công nghệ đã tạo điều kiện cho mọi người "lựa chọn" giới tính của con cái, và vì thế củng cố quan niệm cho rằng cơ cấu gia đình có thể và nên thực hiện theo kế hoạch và có "lựa chọn." Trong một bối cảnh xã hội nơi mà hệ thống thân tộc vẫn đề cao nam giới hơn phụ nữ, sự tiếp cận dễ dàng đến các công nghệ mới như siêu âm sản khoa có thể sẽ làm gia tăng áp lực buộc mọi người phải sinh bằng được con trai, và do vậy càng làm tăng sự ưa thích con trai.

KHUYẾN NGHỊ

Để giải quyết vấn đề gia tăng TSGTKS ở Việt Nam, một số khuyến nghị sau đây đã được rút ra trên cơ sở các kết quả nghiên cứu:

1- Giải quyết vấn đề sử dụng công nghệ sai mục đích

Nghiên cứu chỉ ra rằng nhiều người đã tìm cách lựa chọn con trai thông qua sử dụng siêu âm kết hợp với nạo thai. Khi xây dựng các can thiệp để giải quyết vấn đề này, cần phải đảm bảo rằng quyền được nạo thai an toàn của phụ nữ phải được bảo vệ và cán bộ y tế phải cung cấp dịch vụ tư vấn đầy đủ và có chất lượng đối với những phụ nữ muốn nạo thai. Tuy nhiên, để loại trừ việc sử dụng các công nghệ y học cho mục đích lựa chọn giới tính có thể cân nhắc áp dụng một số biện pháp sau đây:

1A. Nâng cao nhận thức cho người cung cấp dịch vụ về hậu quả xã hội của sự mất cân bằng giới tính và về trách nhiệm đặc biệt của họ đối với vấn đề nhân khẩu học quan trọng này. Chủ đề TSGTKS nên được đưa vào chương trình giảng dạy ở các trường đại học y, đồng thời những người cung cấp dịch vụ sản, phụ khoa cần được tập huấn để có thể tư vấn cho những phụ nữ có ý định nạo thai lựa chọn giới tính.

1 Trong chế độ phụ hệ, dòng dõi được truy theo đàn ông: phụ hệ là dòng dõi bắt đầu từ ông tổ cho đến thế hệ con cháu (trai hoặc gái) mà chỉ được duy trì thông qua những người con trai. Thuật ngữ "cư trú bên nội" nói về hệ thống thân tộc trong đó các cặp vợ chồng sinh sống bên gia đình nhà chồng.

1B. Củng cố các quy định của nhà nước cấm xác định giới tính thai nhi thông qua tăng cường giám sát việc sử dụng siêu âm sản khoa trong các cơ sở y tế công và tư nhân. Thông tin về giới tính thai nhi thường được thông báo qua những cách rất tế nhị nhưng các cơ chế giám sát có thể được thực hiện bằng cách sử dụng "khách hàng bí mật" (Boyce và Neale 2006) hoặc công tác thanh tra do các cán bộ y tế thực hiện. Các quy định còn có thể được tăng cường thông qua phối hợp với cán bộ tư pháp để xử lý những trường hợp vi phạm (ví dụ đưa ra tòa). Cần tham khảo kinh nghiệm từ Hàn Quốc và Ấn Độ. Ví dụ, ở Hàn Quốc, những giải pháp can thiệp trong ngành y tế đã được cho là đóng vai trò quan trọng trong việc đưa tỷ số giới tính khi sinh trở lại mức bình thường (UNFPA 2010 a).

1C. Củng cố các quy định cấm xác định giới tính thai nhi thông qua các chế tài nghiêm khắc (ví dụ mức phạt tiền cao hoặc rút giấy phép hành nghề) nếu phát hiện bác sĩ thông báo cho khách hàng về giới tính của thai nhi.

1D. Củng cố các quy định cấm xác định giới tính thai nhi bằng cách đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về những trường hợp vi phạm. Biện pháp này có thể vừa như là chế tài xử lý vừa là cách để ngăn ngừa sự vi phạm của những người khác.

1E. Các can thiệp trong ngành y tế nhằm giám sát và điều chỉnh những hoạt động "tư vấn" (đáng ngờ cả về đạo đức và y sinh học) của cán bộ y tế cho những người muốn sinh con với giới tính mong muốn. Cần phải nâng cao nhận thức của công chúng và của người cung cấp dịch vụ về bản chất khoa học giả tạo của phần lớn những lời khuyên về sinh đẻ như vậy và khuyến khích sử dụng khoa học và công nghệ một cách phù hợp.

2. Giải quyết nguyên nhân gốc rễ của sự ưa thích con trai: bất bình đẳng giới trong thân tộc

Mặc dù công nghệ y học được sử dụng rộng rãi cho mục đích lựa chọn giới tính, nguyên nhân sâu xa của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh không nằm trong việc sử dụng công nghệ. Nghiên cứu này chỉ ra rằng nền móng của bất bình đẳng giới gắn liền với hệ thống thân tộc ở Việt Nam: sự ưa thích con trai bắt nguồn từ hệ thống thân tộc mà chủ đạo là phụ hệ và cư trú bên nội. Do đó, để nâng cao giá trị của con gái, cần thúc đẩy các mô hình thân tộc lưỡng hệ mà trong đó cả họ nội và họ ngoại đều được thừa nhận như nhau. Các can thiệp để thúc đẩy mô hình thân tộc lưỡng hệ như vậy có thể chú ý đến các chiều cạnh sau đây:

2A. **Họ của con cái và dòng họ của gia đình:** Theo Điều 15, Nghị định 158/2005/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27/12/2005 và điểm e mục 1 phần II của Thông tư của Bộ Tư pháp số 01/2008/TT-BTP ngày 02/06/2008 Hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch: "Khi đăng ký khai sinh, họ và quê quán của con được xác định theo họ và quê quán của người cha hoặc họ và quê quán của người mẹ theo tập quán hoặc theo thỏa thuận của cha, mẹ". Như vậy, theo luật pháp Việt Nam, họ tộc có thể được tiếp tục thông qua con gái hoặc con trai. Cần tổ chức các chiến dịch truyền thông trên thông tin đại chúng và trong cộng đồng để củng cố nhận thức của xã hội về việc con gái có thể tiếp tục truyền lại họ và dòng giống gia đình. Những chiến dịch như vậy phải được nhằm vào cán bộ nhà nước ở tất cả các cấp, từ trung ương đến cơ sở và nhân dân nói chung trên khắp cả nước.

2B. **Thờ cúng tổ tiên:** Tổ chức các chiến dịch thay đổi hành vi để nhấn mạnh việc con gái hoàn toàn có thể đảm nhiệm việc thờ cúng tổ tiên và chăm nom phần mộ của những người trong gia đình.

2C. **Nơi cư trú:** Điều 20 Luật Hôn nhân và Gia đình ban hành năm 2000 quy định rằng cặp vợ chồng có quyền tự do lựa chọn nơi ở của mình. Nghiên cứu này chỉ ra rằng sự linh hoạt về nơi sinh sống - ví dụ cặp vợ chồng có thể tự do lựa chọn ở với gia đình nhà chồng hoặc gia đình nhà vợ, - có thể giúp giảm bớt áp lực phải có con trai. Vì vậy, cần phải thúc đẩy sự chấp nhận rộng rãi mô hình cư trú bên ngoại *(ở rể)*, ví dụ, thông qua các chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi hành vi để nhấn mạnh khả năng của con gái có thể chăm sóc tốt cha mẹ và khuyến khích mọi người linh hoạt về nơi sinh sống vì lợi ích quốc gia (thông qua cân bằng tỷ số giới tính).